

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày: 27/5/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Ph, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn T – sinh năm 1980.

Chức vụ: Giám Đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành N – sinh năm 1967, có mặt.

Chức vụ: Phó Giám Đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh K.

Địa chỉ: Khu phố Ph 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H – sinh năm 1962, có mặt.

Bà Thị Nh – sinh năm 1965, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B – sinh năm 1963, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh K - Phòng giao dịch G có cho vợ chồng ông Trần Văn H và bà Thị Nh vay số tiền 120.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 527/19/HĐTD/1011-0865, ký ngày 18/3/2019, mục đích vay sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Thời hạn vay là 12 tháng, hình thức trả nợ là lãi và vốn gốc trả cuối kỳ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 13,1%/năm, lãi được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ông Trần Văn H và bà Thị Nh đã nhận đủ số tiền vay 120.000.000 đồng, theo khế ước nhận nợ số 572/KUNN, ngày 19/3/2019.

Khi vay tiền, ông Trần Văn H và bà Thị Nh có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 269/16/HĐTC-BDS/1011-0865, ngày 03/3/2016, đối với tài sản: Quyền sử dụng đất có diện tích 9.127m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 7-1, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện G, tỉnh K.

, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N235145, ngày 19/3/2001, do ông Trần Văn H đứng tên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn H và bà Thị Nh không trả nợ đúng cam kết nên ngày 18/11/2020, Ngân hàng khởi kiện ông Trần Văn H và bà Thị Nh, tính đến ngày 19/3/2020, số nợ vay của ông Trần Văn H và bà Thị Nh đã quá hạn, hiện tại dư nợ gốc là 120.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 27/5/2021 là 45.674.951 đồng (trong đó lãi trong hạn là 15.763.068 đồng, lãi quá hạn là 28.037.589 đồng, lãi phạt lãi chậm trả 1.874.294 đồng). Nay Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải trả hết số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo hợp đồng đã thỏa thuận là 45.674.951 đồng, tổng cộng bằng 165.674.951 đồng. Đồng thời, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp ông Trần Văn H và bà Thị Nh không trả đủ số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Vào năm 2019, vợ chồng ông có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – phòng giao dịch Gò Quao, số tiền 120.000.000 đồng, để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gà vịt. Khi vay tiền vợ chồng ông có thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 9.127m², ở thửa số 1, tờ bản đồ 7-1, tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 235145, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/3/2001 cho ông Trần Văn H đứng tên.

Nay Ngân hàng kiện vợ chồng ông đòi số tiền 120.000.000 đồng vốn gốc cộng với tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ vay, ông đồng ý trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng hiện gia đình ông rất khó khăn nên ông xin Ngân hàng giảm bớt một phần lãi suất, số tiền còn lại ông xin hứa trả dứt cho Ngân hàng trong thời gian 45

ngày. Đối với tài sản thế chấp, ông có cổ cho ông Bình ở cùng ấp 04 công với giá 16 chỉ vàng 24K.

Bị đơn bà Thị Nh được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nhung không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào của bà Nhung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Bình không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào của ông Bình.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho thời gian 45 ngày như ông Trần Văn H yêu cầu.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là không tuân thủ quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bị đơn ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền hiện còn nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Trần Văn H và bà Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Trần Văn H và bà Thị Nh là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Thị Nh có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Thị Nh.

Ông Lê Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông Bình được Tòa án niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Bình vắng mặt 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông B

[2] **Về nội dung:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại hợp đồng tín dụng số 527/19/HĐTD/1011-0865, được ký kết ngày 18/3/2019, giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn H và bà Thị Nh không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 19/3/2020 hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn. Cho đến nay, bên vay ông Trần Văn H và bà Thị Nh đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 269/16/HĐTC-BĐS/1011-0865, được ký kết ngày 03/3/2016, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Trần Văn H và bà Thị Nh có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng, chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N235145, được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp ngày 19/3/2001, do ông Trần Văn H đứng tên, có diện tích 9.127m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 7-1, đất tọa lạc tại ấp Phước Tiền, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Ông Trần Văn H thừa nhận vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần K để vay số tiền 120.000.000 đồng, đồng thời ông Trần Văn H và bà Thị Nh có thế chấp tài sản do ông Trần Văn H đứng tên, hiện nay ông Trần Văn H và bà Thị Nh không có khả năng trả hết số nợ trên cho Ngân hàng nên xin Ngân hàng giảm bớt một phần lãi và cho thời gian 45 ngày để trả nợ. Tuy nhiên, phía Ngân hàng không thống nhất với yêu cầu của ông Trần Văn H nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với hợp đồng tín dụng, do vợ chồng ông Trần Văn H và bà Thị Nh cùng đứng tên và cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế gia đình, nên căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về phạt vi phạm trên số tiền lãi trong hạn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[8] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Trần Văn H và bà Thị Nh với ông Lê Văn B, do ông Bình không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Bình có quyền khởi kiện ông Hòa và bà Nhung bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long, bị đơn ông Trần Văn H và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông Trần Văn H và bà Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải nộp 8.284.000 đồng (165.674.951 đồng x 5%).

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại 3.799.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009631 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
 - Áp dụng Điều 323, 325, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
 - Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
 - Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;
 - Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
 - Áp dụng khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
 - Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.
1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền 165.674.951 (một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi một) đồng, gồm có: Số tiền nợ gốc là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 45.674.951 (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn H và bà Thị Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N235145, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/3/2001, do ông Trần Văn H đứng tên, có diện tích 9.127m², thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 7-1, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện G, tỉnh K để thu hồi toàn bộ số nợ trên.

Khi ông Trần Văn H và bà Thị Nh trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số N235145, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/3/2001, do ông Trần Văn H đứng tên, cho ông Trần Văn H và bà Thị Nh.

Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Trần Văn H và bà Thị Nh với ông Lê Văn B: Hội đồng xét xử không xem xét. Ông B có quyền khởi kiện ông H và bà Nh bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Buộc Ông Trần Văn H và bà Thị Nh phải nộp 8.284.000 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại 3.799.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009631 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều

7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang